

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2026

Thực hiện từ 01/07/2026 đến 30/09/2026; lũy kế từ 01/01/2026 đến 30/09/2026
 theo Quyết định 1156/QĐ-UBND ngày 15/10/2026 của UBND xã Dân Tiến)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2026	Phát sinh quý III	Lũy kế 9 tháng	So sánh lũy kế/DT (%)
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	6.082.000.000	2.749.343.861	12.034.323.448	197,9
I	Thu nội địa không kể dầu thô	6.082.000.000	2.749.343.861	7.034.323.448	115,7
II	Thu về dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu				
IV	Thu viện trợ				
V	Các khoản huy động, đóng góp			5.000.000.000	
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	160.261.000.000	56.359.732.746	160.924.609.641	100,4
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	5.570.000.000	1.801.397.746	10.033.112.570	180,1
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	4.285.000.000	1.288.827.340	8.932.800.958	208,5
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)	-			
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	1.285.000.000	512.570.406	1.100.311.612	85,6
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	154.691.000.000	54.558.335.000	138.812.343.440	89,7
1	Bổ sung cân đối	113.789.000.000	28.446.000.000	85.338.000.000	75,0
2	Bổ sung có mục tiêu	40.902.000.000	26.112.335.000	53.474.343.440	130,7
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	-			
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-		12.079.153.631	
V	Thu kết dư	-			
C	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	172.132.040.582	34.746.861.037	113.011.315.174	65,7

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2026*Số liệu thực hiện từ 01/07/2026 đến 30/09/2026; lũy kế từ 01/01/2026 đến 30/09/2026**(Kèm theo Quyết định 1156/QĐ-UBND ngày 15/10/2026 của UBND xã Dân Tiến)**Đơn vị: đồng*

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2026	Phát sinh quý III	Lũy kế 9 tháng	So sánh lũy kế/DT (%)
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	131.230.040.582	32.221.861.037	104.682.857.884	79,8
1	Chi đầu tư phát triển	15.156.040.582	3.030.045.000	5.501.488.050	36,3
2	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	113.109.000.000	29.191.816.037	99.181.369.834	87,7
3	Chi trả lãi, phí tiền vay	-			
4	Chi viện trợ	-			
5	Chi cho vay	-			
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	-			
7	Dự phòng NSNN	2.965.000.000			0,0
8	Các nhiệm vụ chi khác	-			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ từ nguồn bổ sung ngân sách địa phương	40.902.000.000			0,0
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	-			
IV	Chi chuyển giao ngân sách	-	2.525.000.000	6.159.634.454	
V	Tạm chi chưa đưa vào cân đối NSNN	-	-	2.168.822.836	

Căn cứ pháp lý: Thông tư 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính - <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-chinh-nha-nuoc/Thong-tu-26-2026-TT-BTC-huong-dan-Nghi-dinh-73-2026-ND-CP->



THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2026

Số hiệu thực hiện từ 01/07/2026 đến 30/09/2026; lũy kế từ 01/01/2026 đến 30/09/2026

Kèm theo Quyết định 1156/QĐ-UBND ngày 15/10/2026 của UBND xã Dân Tiến

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2026	Phát sinh quý III	Lũy kế 9 tháng	So sánh lũy kế/DT (%)
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	6.082.000.000	2.749.343.861	12.034.323.448	197,9
I	Thu nội địa không kể đầu thô	6.082.000.000	2.749.343.861	7.034.323.448	115,7
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	877.000.000	175.453.250	972.109.796	110,8
2	Thuế thu nhập cá nhân	1.030.000.000	253.450.355	539.557.762	52,4
3	Các loại phí, lệ phí	2.209.000.000	1.005.571.072	2.797.061.371	126,6
	Trong đó: Lệ phí trước bạ	2.069.000.000	769.855.551	2.207.321.162	106,7
4	Các khoản thu về nhà, đất	1.806.000.000	1.207.846.565	2.546.848.992	141,0
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	6.000.000	1.798.565	20.897.161	348,3
	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	120.000.000	-	63.016.631	52,5
	Thu tiền sử dụng đất	1.680.000.000	1.206.048.000	2.462.935.200	146,6
5	Thu khác ngân sách	160.000.000	107.022.619	178.745.527	111,7
II	Thu về đầu thô				
III	Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu				
IV	Thu viện trợ				
V	Các khoản huy động, đóng góp			5.000.000.000	

**THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2026**

Số liệu thực hiện từ 01/07/2026 đến 30/09/2026; lũy kế từ 01/01/2026 đến 30/09/2026

Kèm theo Quyết định 1156/QĐ-UBND ngày 15/10/2026 của UBND xã Dân Tiến)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2026	Phát sinh quý III	Lũy kế 9 tháng	So sánh lũy kế/DT (%)
	TỔNG SỐ	160.261.000.000	34.746.861.037	113.011.315.174	70,5
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	119.359.000.000	32.221.861.037	104.682.857.884	87,7
I	Chi đầu tư phát triển	3.285.000.000	3.030.045.000	5.501.488.050	167,5
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	15.156.040.582	3.030.045.000	5.504.488.050	36,3
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	-	-
II	Chi trả lãi, phí tiền vay	-	-	-	-
III	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	113.109.000.000	29.191.816.037	99.181.369.834	87,7
	Trong đó:				
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	84.625.000.000	14.385.500.952	56.637.811.708	66,9
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	649.000.000	69.390.290	363.074.404	55,9
IV	Chi cho vay	-	-	-	-
V	Chi viện trợ	-	-	-	-
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	-	-	-	-
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	2.965.000.000	-	-	0,0
VIII	Chi cải cách tiền lương, tính giảm biên chế	-	-	-	-
IX	Các nhiệm vụ chi khác	-	-	-	-
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CỦA NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	40.902.000.000	-	-	0,0



QUỐC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2026

Số liệu thực hiện từ 01/07/2026 đến 30/09/2026; lũy kế từ 01/01/2026 đến 30/09/2026
(Kèm theo Quyết định 1156/QĐ-UBND ngày 15/10/2026 của UBND xã Dân Tiến)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2026	Phát sinh quý III	Lũy kế 9 tháng	So sánh lũy kế/DT (%)
C	CHI CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH	-	2.525.000.000	6.159.634.454	
1	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	-	-	-	
2	Chi nộp ngân sách cấp trên	-	2.525.000.000	6.159.634.454	
3	Chi hỗ trợ các địa phương khác	-	-	-	
D	CHI CHUYỂN NGUỒN	-	-	-	
E	TẠM CHI CHƯA ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NSNN	-	-	2.168.822.836	

Ghi chú: Cột Dự toán sử dụng số cân đối ngân sách năm 2026 theo Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 (160.261 triệu đồng sau khoản tiết kiệm 10% chi thường xuyên 2.214 triệu đồng).